

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND xã)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<u>TỔNG SỐ THU</u>	<u>8.431.500.000</u>	<u>TỔNG SỐ CHI</u>	<u>8.431.500.000</u>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	80.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.000.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.213.000.000	II. Chi thường xuyên	4.981.500.000
III. Thu bổ sung	4.688.500.000	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối	4.688.500.000	IV. Chi chuyển nguồn	450.000.000
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn	450.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND xã)

Đơn vị tính: đồng

S TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	Tổng số thu	8.431.500.000	8.431.500.000
I	Các khoản thu 100%	80.000.000	80.000.000
1	Phí, lệ phí	15.000.000	15.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	35.000.000	35.000.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	30.000.000	30.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.213.000.000	3.213.000.000
1	Các khoản thu phân chia	85.000.000	85.000.000
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	26.000.000	26.000.000
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	9.000.000	9.000.000
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	50.000.000	50.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.128.000.000	3.128.000.000
2.1	Thu tiền sử dụng đất	3.000.000.000	3.000.000.000
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên		
2.4	Thuế giá trị gia tăng	80.000.000	80.000.000
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	48.000.000	48.000.000
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn	450.000.000	450.000.000
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.688.500.000	4.688.500.000
1	Thu bổ sung cân đối	4.688.500.000	4.688.500.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND xã)

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN NĂM 2023		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	4	5	6
	TỔNG CHI	8.431.500.000	3.000.000.000	5.431.500.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục	16.400.000		16.400.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		
3	Chi y tế	16.400.000		16.400.000
4	Chi văn hóa, thông tin	53.400.000		53.400.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	54.396.000		54.396.000
6	Chi thể dục, thể thao	-		
7	Chi bảo vệ môi trường	26.700.000		26.700.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	53.900.000		53.900.000
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.325.974.000	3.000.000.000	4.325.974.000
10	Chi cho công tác xã hội	362.030.000		362.030.000
11	Chi khác	6.900.000		6.900.000
12	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	65.400.000		65.400.000
13	Chi chuyển nguồn	450.000.000		450.000.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND xã)

Đơn vị tính : đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		17.226.532.000	-	17.226.532.000	5.735.641.250	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	
1. Công trình hoàn thành		17.226.532.000	-	17.226.532.000	5.735.641.250	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	
Chi XD công trình: Nhà làm việc Đảng ủy và các đoàn thể xã Lê Lợi	2020	3.959.586.000		3.959.586.000	518.503.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
CT: Nân cấp và cải tạo nghĩa trang liệt sỹ	2020	2.245.779.000		2.245.779.000	1.066.080.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
CT: nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường tiểu học	2019-2020	2.646.569.000		2.646.569.000	1.086.012.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
Đầu tư xây dựng một số tuyến đường giao thông xã Lê Lợi	2021-2022	4.267.710.000		4.267.710.000	393.141.250	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
Xây mới nhà một cửa, nhà xe, tường rào, cải tạo nhà làm việc, hội trường UBND xã	2019	3.010.646.000		3.010.646.000	2.127.905.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
Công trình: Cải tạo sân, cổng tường rào UBND xã và các hạng mục phụ trợ khác	2019	1.096.242.000		1.096.242.000	544.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND xã)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			KẾ HOẠCH NĂM 2023		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	42.907.800	42.907.800	0	80.000.000	80.000.000	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
Không phát sinh						
2. các hoạt động sự nghiệp	42.907.800	42.907.800	0	80.000.000	80.000.000	
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa						
- Quỹ vì người nghèo	25.594.800	25.594.800		30.000.000	30.000.000	
- Các quỹ khác	17.313.000	17.313.000		50.000.000	50.000.000	

Ghi chú: chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
 chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi